

SÀI GÒN ME KONG NPK 7-7-7+9HC

- **MSPB:** 01727
- **Dạng phân bón:** Dạng bột
- **Màu sắc phân bón:** Nâu đen
- **Nguồn gốc:** Sản xuất trong nước

CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG PHÂN BÓN

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Hàm lượng	Phương pháp phân tích
Đạm tổng số (N_{ts})	%	7	TCVN 8557:2010
Lân hữu hiệu (P_2O_{5hh})	%	7	TCVN 8559:2010
Kali hữu hiệu (K_2O_{hh})	%	7	TCVN 8560:2018
Chất hữu cơ	%	9	TCVN 9294:2012
Độ ẩm	%	10	TCVN 9297:2012
pH _{H₂O}	%	5	Ref.TCVN 5979:2007

CÔNG DỤNG

- Hỗ trợ ra hoa, hoa nở to, màu đẹp, cánh hoa dày.
- Tăng khả năng đậu quả, nuôi quả lớn, đều cân đối.
- Cung cấp chất hữu cơ giúp cải tạo đất, cải thiện pH trong đất, màu mỡ, tơi xốp, rễ phát triển mạnh.
- Cung cấp đầy đủ những dưỡng chất giúp cây trồng sinh trưởng mạnh, chồi lá khỏe, xanh bền.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Loại cây trồng	Liều lượng	Thời kỳ bón
Cây ăn trái	1 - 3 kg/gốc	Bón vào giai đoạn cây con. Tạo coi đọt, trở bông, nuôi trái. Trước và sau khi thu hoạch.
Cây công nghiệp	125 - 200 kg/1.000 m ²	Bón vào giai đoạn cây con (trộn vào đất trồng). Giai đoạn cây kinh doanh (bón trước và sau thu hoạch).
Rau màu	15 - 25 kg/1.000 m ²	Trộn đều vào đất trồng
Lúa	25 - 50 kg/1.000 m ²	Giai đoạn 18 - 20 ngày sau sạ. Giai đoạn 38 - 40 ngày sau sạ.

PHƯƠNG PHÁP BÓN

- Bón rể.
- Tưới nước tối thiểu 1 lần/ngày.
- Càn xới đất trước khi bón để tăng hiệu quả sử dụng.

YẾU TỐ HẠN CHẾ TRONG PHÂN BÓN ĐẶNG KÝ

Tên yếu tố	Đơn vị tính	Hàm lượng	Phương pháp phân tích
Thủy ngân (Hg)	mg/kg hoặc mg/l hoặc ppm khối lượng	≤ 2	Ref. AOAC 971.21
Chì (Pb)	mg/kg hoặc mg/l hoặc ppm khối lượng	≤ 200	TCVN 9290:2018
Asen (As)	mg/kg hoặc mg/l hoặc ppm khối lượng	≤ 10	Ref. TCVN 8467:2010
Cadimi (Cd)	mg/kg hoặc mg/l hoặc ppm khối lượng	≤ 5	TCVN 9291:2018
<i>E.coli</i>	MPN/g hoặc MPN/ml hoặc CFU/g hoặc CFU/ml	< 1,1x10 ⁵	TCVN 9291:2018
<i>Salmonella</i>	CFU/g hoặc CFU/ml	KPH	Ref. TCVN 10780-1:2017
Yếu tố khác			